

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

MST: 0900613295

===== * * * =====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II
NĂM 2022**

Năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		600,733,158,592	518,900,611,267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	171,549,161	8,614,078,932
1. Tiền	111		171,549,161	4,196,314,014
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4,417,764,918
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		254,597,277,749	209,205,525,815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	196,713,257,543	175,023,834,795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	57,471,191,601	28,595,790,691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	6,448,756,559	11,425,487,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(6,035,927,954)	(5,839,586,675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	341,946,704,457	299,039,607,158
1. Hàng tồn kho	141		358,768,811,051	299,039,607,158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16,822,106,594)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,017,627,225	2,041,399,362
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	331,593,252	144,158,603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,629,067,308	1,840,274,094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175,100,428,146	176,459,580,295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		60,441,914,437	63,727,436,271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	50,951,992,196	61,702,179,686
- Nguyên giá	222		117,333,238,973	130,764,633,245
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(66,381,246,777)	(69,062,453,559)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		9,489,922,241	2,025,256,585
- Nguyên giá	225		13,055,165,168	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(3,565,242,927)	(2,835,359,240)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	56,654,844,987	56,654,844,987
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	4,496,289,162	2,451,109,086
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4,496,289,162	2,451,109,086
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	53,003,533,569	53,003,533,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		503,845,991	622,656,382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	503,845,991	622,656,382
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		775,833,586,738	695,360,191,562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		408,933,462,386	334,633,825,934
I. Nợ ngắn hạn	310		405,427,212,386	334,015,075,934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	140,550,349,144	107,056,544,423
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,618,328,330	431,788,960
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	16,836,904,390	13,825,737,014
4. Phải trả người lao động	314		403,575,125	251,960,003
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	368,026,752	255,388,716
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	70,211,000	32,480,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	245,340,204,795	211,921,563,968
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239,612,850	239,612,850
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,506,250,000	618,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		3,506,250,000	618,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		366,900,124,352	360,726,365,628
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	366,900,124,352	360,726,365,628
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280,499,680,000	280,499,680,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bổ sung	411B		280,499,680,000	280,499,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	556,025,698
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85,844,418,654	79,670,659,930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79,670,659,930	18,107,451,055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,173,758,724	61,563,208,875
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		775,833,586,738	695,360,191,562

Hưng Yên, ngày 26 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu


Trần Thị Bình

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Hồng Khang

Chủ tịch HĐQT




CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Thị Hải Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, P. Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2022

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	227,826,246,298	252,634,477,695	512,747,090,234	590,116,300,657
2. Các khoản giảm trừ	02			18,235,490		187,866,480
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		227,826,246,298	252,616,242,205	512,747,090,234	589,928,434,177
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	230,991,496,284	233,196,813,664	489,531,590,368	559,671,486,697
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(3,165,249,986)	19,419,428,541	23,215,499,866	30,256,947,480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	485,647	68,349,316	50,056,909	77,389,544
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,036,447,665	4,721,905,399	10,623,425,932	9,145,079,901
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,036,447,665	4,286,999,102	10,516,986,290	8,710,173,604
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	497,278,840	457,362,113	941,682,419	893,985,189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,567,678,657	1,799,202,924	2,647,654,687	3,757,880,931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(11,266,169,501)	12,509,307,421	9,052,793,737	16,537,391,003
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	10,364,965	4,684,239	10,589,856
12. Chi phí khác	32	VI.8	219,846,194	286,924,417	332,345,606	437,818,641
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(219,846,194)	(276,559,452)	(327,661,367)	(427,228,785)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(11,486,015,695)	12,232,747,969	8,725,132,370	16,110,162,218
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(1,602,813,857)	2,483,323,972	2,485,373,646	3,304,762,712
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9,883,201,838)	9,749,423,997	6,239,758,724	12,805,399,506

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH


Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, P. Phường Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2022

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	(352.34)	382.33	222.45	502.17
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Hưng Yên, ngày 26 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu


Đoàn Thị Bình

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Hồng Nhung



Chủ tịch HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT


Trần Thị Hải Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 theo phương pháp gián tiếp
 Quý 2 năm 2022

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,725,132,370	16,110,162,218
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4,704,932,371	4,942,458,396
- Các khoản dự phòng	03		17,018,447,873	506,798,029
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các kh	04		-	434,906,297
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(50,056,909)	104,568,211
- Chi phí lãi vay	06		10,516,986,290	8,710,173,604
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		40,915,441,995	30,809,066,755
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47,326,829,518)	(104,565,354,551)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(59,729,203,893)	(24,977,429,756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11		31,861,095,056	125,960,325,022
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(68,624,258)	(121,040,410)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10,450,606,889)	(8,817,318,656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(884,724,657)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(168,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(44,798,727,507)	17,235,523,747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		-	(1,556,855,450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	94,600,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		50,056,909	77,389,544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50,056,909	(1,384,865,906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		282,646,266,220	258,777,574,607
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(242,683,076,050)	(258,078,414,606)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3,657,049,343)	(412,500,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7,896,996,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36,306,140,827	(7,610,336,499)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8,442,529,771)	8,240,321,342
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,614,078,932	2,413,161,764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		171,549,161	10,653,483,106

Hưng Yên, ngày 26 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Thị Bình

Loràn Thị Hồng Khang
 KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Thị Hải Vân
 CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 44 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	119.210.052	689.924.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.339.109	3.506.389.560
Các khoản tương đương tiền		4.417.764.918
Cộng	171.549.161	8.614.078.932

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng</i>	196.713.257.543	175.023.834.795
Cộng	196.713.257.543	175.023.834.795

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán</i>	57.471.191.601	28.595.790.691
Cộng	57.471.191.601	28.595.790.691

4. Phải thu khác:**a. Phải thu ngắn hạn khác:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Tạm ứng	4.715.000.000	7.180.000
Ký quỹ, ký cược	320.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.413.449.555	11.248.000.000
Cộng	6.448.756.559	11.425.487.004

b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Cộng	0	0

5. Nợ xấu

<i>Các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Dư Nợ 131	4.518.724.482	227.755.658	4.338.590.849	234.904.173
Công Ty TNHH TMDV Thép Đại Thành Phát SG	2.260.582.089	0	2.260.582.089	0
Công Ty CP TSC Hà Nội	519.868.800		519.868.800	
Công Ty TNHH TM và KK Minh Hiếu	460.224.740		460.224.740	
Công Ty TNHH SX TM Lâm Quan Thanh	421.548.384		421.548.384	
Công Ty CP Vật Liệu Hàn Thiện Phúc	189.262.427		189.262.427	
Công ty CP Đức Dương Việt Nam	443.864.265	133.159.279	443.864.265	221.932.132
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân	43.240.144		43.240.144	12.972.041

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<i>Các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Minh Ngọc				
Công Ty CP Cung Cấp Thiết Bị Công Nghiệp H2B	508.773	254.387	-	-
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HTL	313.579	156.790	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	1.404.170	702.085	-	-
CÔNG TY TNHH PHÚC HƯNG	570.870	285.435	-	-
công ty TNHH xây dựng cơ điện và thang máy ITECH	5.015.000	3.510.500	-	-
Công ty CP cơ khí xây dựng Đoàn Kết	12.335.851	8.635.096	-	-
CƠ SỞ ANH LONG	513.668	359.568	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phú	102.576.224	51.288.112	-	-
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT	49.99.999	25.000.000	-	-
Công ty CP Công nghiệp Bảo Minh Châu	1.498.403	749.202	-	-
Công ty Cổ Phần An Gia Vũ	114.950	57.475	-	-
Công ty cổ phần Thương Mại và Sản Xuất Đoàn Minh	4.783.295	3.348.307	-	-
công ty cổ phần airtech thế long	498.851	249.426	-	-
Dư nợ 331	1.735.900.000		1.735.900.000	
CT TNHH IPS ENGINEERING	1.660.500.000		1.660.500.000	
Công ty Chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	33.000.000		33.000.000	
Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	22.000.000		22.000.000	
Công ty TNHH tư vấn quản lý và phát triển doanh nghiệp	20.400.000		20.400.000	
Cộng	6.254.624.482	227.755.658	6.074.940.849	234.904.173

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường đầu năm			7.548.019.276	
Nguyên liệu, vật liệu	816.913.063		942.435.644	
Công cụ, dụng cụ	85.071.359		80.681.767	
Thành phẩm	2.458.934.859		2.131.843.376	
Hàng hóa	355.407.891.770	(16.822.106.594)	288.336.627.095	
Cộng	358.768.811.051	(16.822.106.594)	299.039.607.158	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	331.593.252	144.158.603
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		
Cộng	331.593.252	144.158.603

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	319.414.232	585.127.256
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	184.431.759	37.529.126
Cộng	503.845.991	622.656.382

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP. Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	67.536.703.854	55.015.464.131	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	130.764.633.245
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)		1.419.410.520				1.419.410.520
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)		(14.850.804.792)				(14.850.804.792)
Số cuối kỳ	67.536.703.854	41.584.069.859	6.945.362.727	293.308.980	973.793.553	117.333.238.973
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	20.387.584.956	43.489.542.379	6.218.057.729	293.308.980	527.784.178	70.916.278.222
Khấu hao	701.050.995	959.086.025	263.612.823		23.474.178	1.947.224.021
Giảm khấu hao		(6.482.255.466)				(6.482.255.466)
Số cuối kỳ	21.088.635.951	37.966.372.938	6.481.670.552	293.308.980	551.258.356	66.381.246.777
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	47.149.118.898	11.351.921.752	727.304.998	-	446.009.375	59.674.355.023
Số cuối kỳ	46.448.067.903	3.617.696.921	463.692.175		422.535.197	50.951.992.196

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá	56.654.844.987			56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987			56.654.844.987
Giá trị hao mòn				
- Quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại	56.654.844.987			56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987			56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thừa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng . diện tích 1052.2 m2 (1)	31.581.783.000		31.581.783.000
Quyền sử dụng đất thừa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng . diện tích 2002.9 m2 (2)	25.073.061.987		25.073.061.987
Cộng	56.654.844.987		56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng Thừa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (nay là thừa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 11 năm 2010 cho Công ty Cổ phần bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thừa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (nay là thừa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/07/2016 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết</i>				
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569		53.003.533.569	
Cộng	53.003.533.569		53.003.533.569	

Tại thời điểm 30/06/2022. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	140.550.349.144	107.056.544.423

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng</i>	1.618.328.330	431.788.960

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		23.829.364	405.641.399	405.641.399		23.829.364
Thuế xuất, nhập khẩu		33.137.301	203.928.570	203.928.570		33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.180.050.530		4.088.187.503	1.602.813.857	12.694.676.884	
Thuế thu nhập cá nhân	408.628.825		854.000		407.851.825	
Thuế nhà đất	689.209.120		625.630.600	223.550.280	287.128.800	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	559.015.915		126.859.410	4.000.000	436.156.505	
Cộng	16.836.904.390	56.966.665	5.451.101.482	2.439.934.106	13.825.737.014	56.966.665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	8%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

a. Chi phí phải trả ngắn hạn:

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các bên liên quan

Số cuối kỳ	Số đầu năm
368.026.752	255.388.716

b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:

Phải trả các bên liên quan

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm

thất nghiệp

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.278.000	32.175.000
62.933.000	305.000
16.114.680	
86.325.680	32.480.000

15. Vay và nợ thuê tài chính:

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	117.019.001.513	117.019.001.513	119.957.275.587	119.957.275.587
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	115.446.203.282	115.446.203.282	91.139.288.381	91.139.288.381
Ngân hàng Viettinbank – CN Thành An (3)				
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Điện Biên Phủ(4)	10.400.000.000	10.400.000.000		
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (5)	2.475.000.000	2.475.000.000	825.000.000	825.000.000
Cộng	245.340.204.795	245.340.204.795	211.921.563.968	211.921.563.968

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Hợp đồng tín dụng số HDTD1002021313 ngày 17/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày 17/12/2021 đến 16/12/2022;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty cụ thể như sau:

- Bất động sản thừa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tại Tổ hợp Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê, Nhà ở cao tầng và Biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 992090; số vào sổ cấp GCN: CT09442 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.
- Các hạng mục công trình thuộc nhà máy gia công Inox Thành Nam tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561470; số vào sổ cấp GCN: CT 00471 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 18/11/2011.
- Các khoản thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tại phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- Xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát: 89C-079.56 mang tên Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hợp đồng thế chấp số 237/2017/HĐTC/CNHàNoi ngày 13/10/2017
- Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh.

(2) Hợp đồng tín dụng số 26/2022/HĐHM-PN/SHB.112500 ngày 18/2/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 158.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:

- Bất động sản tại Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, P, Mỹ Đình 2, Q, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ314551, vào sổ cấp GCN QSDĐ số: 01051 QSDĐ/753/QĐ-UBH do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2004 .
- Tài sản trên đất
- Bất động sản tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 78, đường Vũ Ngọc Nhạ, khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE722381, số vào sổ cấp GCN: CT113946 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/11/2016.
- Bất động sản tại Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645828, vào sổ cấp GCN số: CT01731 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010 cho công ty cổ phần bất động sản Phương Trang.
- 01 xe ô tô tải có cần cầu nhãn hiệu HINO, BKS 29C-813,14, sản xuất năm 2015 tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 277194 do Phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp cho CN tại Hà Nội CTCP Quốc tế Phương Anh ngày 09/08/2016
- Quyền sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu: JAGUAR, số loại: FTYPER, màu sơn: Đỏ, số khung: 67E8GMK24286, số máy:2321394508PS, số chỗ ngồi 02, Biển số đăng ký: 51F-736.41 theo đăng ký xe ô tô số 187740 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/07/2016, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2016.
- Quyền sử dụng đất tại phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN940241, số Quyết định: 7222/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH03082 do UBND huyện Từ Liêm (cũ), TP Hà Nội cấp ngày 04/11/2013.
- Căn hộ chung cư số 1402A, diện tích: 159m² theo GCN quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 960461, số QĐ:1874/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00418 do UBND quận Nam Từ Liêm TP Hà Nội cấp ngày 29/08/2014.
- Quyền sử dụng đất tại lô A16 khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 645827 số vào sổ GCN: CT01729 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2010.
- Quyền sử dụng đất tại lô B4.1-5 Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc Dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 645940, số vào sổ cấp GCN CT01829 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 410567 ngày 21/10/2021 cho Ông Hoàng Văn Thành và bà Bùi Ngọc Oanh đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu Hằng ngày 12/01/2022
 - Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 925313 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/01/2012 cho Bà Phùng Thị Mai Hương đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022
 - Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH 196361 do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 30/09/2008 cho bà Đinh Thị Tho đã đính chính chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022
 - Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AH498534 ngày 07/03/2007 do UBND huyện Quốc Oai cấp cho bà Đinh Thị Tho đã đính chính chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Thanh Nga ngày 22/02/2022
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHTC320-PAS ngày 28/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép các loại;
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng khung ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:

- TT3.15, Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Ngân hàng BIDV, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội).
 - Khu Địa Đàng, xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại TT9.02 dự án đầu tư xây dựng nhà ở ngân hàng BIDV, khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, Hoài Đức, TP Hà Nội. Theo GCN QSD đất số DD 410598, vào sổ cấp GCN: CS 59430 do sở tài nguyên môi trường TP Hà Nội cấp ngày 21/10/2021
- (4) Hợp đồng tín dụng số 18926.22.070.7325030.TT ngày 28/04/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội(MB)- Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VNĐ
 - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng
- **Tài sản đảm bảo là tài sản của Công ty và bên thứ 3, chi tiết như sau:**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Số phát hành: AN 205015; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H3389. Số QĐ: 2467/QĐ-UBND;MS:6253389; Cơ quan cấp: UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội; cấp ngày 24/06/2008; Cấp cho: Ông Nguyễn Chính Nghĩa và bà Nguyễn Thanh Hằng. Ngày 17/02/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Quận Nam Từ Liêm xác nhận: Chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn Thu và bà Nguyễn Thị Hương theo hồ sơ số: 001362.CN.059.MDD.

(5) Hợp đồng thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 8 năm 2019 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NIITMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ đã bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ;
- Tổng giá trị nợ gốc: 3.300.000.000 VNĐ;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân;
- Số dư nợ gốc còn phải trả: 1.237.500.000 VNĐ;

(6) Hợp đồng thuê tài chính số 196.22.04/CCTC ngày 13 tháng 06 năm 2022 ký kết giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính(Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam) và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Loại tài sản: Máy cắt xén thép cuộn điều khiển số, gia công thép- Coil plate Shearing machine, nhãn hiệu Pilot, xuất xứ Hàn Quốc, sản xuất năm 2016, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổng giá trị tài sản: 8.850.113.290 VNĐ đã bao gồm VAT, Số tiền trả trước 3.900.113.290 VNĐ
- Tổng giá trị nợ gốc: 4.950.000.000 VNĐ
- Thời hạn thuê: 48 tháng
- Lãi suất cho thuê: Áp dụng cụ thể tại thời điểm giải ngân

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	117.019.001.513	117.019.001.513	119.957.275.587	119.957.275.58
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	115.446.203.282	115.446.203.282	91.139.288.381	91.139.288.38
Ngân hàng Viettinbank – CN				

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành An (3)				
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Điện Biên Phủ(4)	10.400.000.000	10.400.000.000		
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (5)	2.475.000.000	2.475.000.000	825.000.000	825.000.000
Cộng	245.340.204.795	245.340.204.795	211.921.563.968	211.921.563.968

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)	3.506.250.000	3.506.250.000	618.750.000	618.750.000
Cộng	3.506.250.000	3.506.250.000	618.750.000	618.750.000

(iii) Là khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2019. Tài sản thuê: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton. nhãn hiệu AMADA. xuất xứ Nhật Bản. sản xuất năm 2010. chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo. Mục đích sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ bao gồm VAT. số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ. dư nợ thuê gốc 3.300.000.000 VNĐ. Thời hạn cho thuê 48 tháng. lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 3 tháng/lần. nợ lãi 3 tháng/lần.

(iiii) Là khoản vay theo Hợp đồng thuê tài chính số 196.22.04/CCTC ngày 13 tháng 06 năm 2022 ký kết giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính(Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam) và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, với các điều khoản chi tiết sau: Máy cắt xén thép cuộn điều khiển số, gia công thép- Coil plate Shearing machine, nhãn hiệu Pilot, xuất xứ Hàn Quốc, sản xuất năm 2016, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 8.850.113.290 VNĐ đã bao gồm VAT, Số tiền trả trước 3.900.113.290 VNĐ. Tổng giá trị nợ gốc: 4.950.000.000 VNĐ. Thời hạn thuê: 48 tháng. lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 1 tháng/lần. nợ lãi 1 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	3.506.250.000	5.307.049.343	8.194.549.343	618.750.000
Cộng	3.506.250.000	5.307.049.343	8.194.549.343	618.750.000

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	280.499.680.000	79.670.659.930	360.170.339.930
Lợi nhuận Quý II	-	6.173.758.724	6.173.758.724
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	280.499.680.000	85.844.418.654	366.344.098.654

b) Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.049.968	28.049.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu phổ thông	28.049.968	28.049.968
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	506.104.929.522	586.284.863.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.225.299.821	3.559.528.416
Doanh thu khác	2.416.860.891	271.909.092
Cộng	512.747.090.234	590.116.300.657

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý I năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Hàng bán bị trả lại	-	169.612.720
Giảm giá hàng bán	-	18.253.760
Cộng	-	187.866.480

19. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	483.019.967.003	555.828.984.103
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.511.623.365	3.842.502.594
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
Cộng	489.531.590.368	559.671.486.697

20. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.056.909	77.389.544
Giảm lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		
Lãi chuyển nhượng cổ phần		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại		
Cộng	50.056.909	77.389.544

21. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Chi phí lãi vay	10.623.425.932	8.710.173.604
Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá sai năm trước		
Lỗ chênh lệch tỷ giá		434.906.297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANHĐịa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
	Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá sai năm trước		
	Lãi chậm trả		
	Cộng	10.623.425.932	9.145.079.901
22.	Chi phí bán hàng		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
	Chi phí cho nhân viên	350.907.000	355.294.000
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng		160.612.631
	Chi phí nguyên vật liệu		90.205.997
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	258.495.312	235.021.134
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.623.006	52.851.427
	Chi phí bằng tiền khác	237.657.101	
	Cộng	941.682.419	893.985.189
23.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
	Chi phí cho nhân viên	710.475.000	629.838.000
	Chi phí đồ dùng văn phòng	22.960.629	12.977.636
	Chi phí công cụ dụng cụ		482.038.275
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.789.083	552.276.600
	Thuế, phí và lệ phí	16.090.545	761.861.634
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.431.847	807.004.757
	Chi phí bằng tiền khác	1.180.566.304	5.086.000
	Trích lập dự phòng	196.341.279	506.798.029
	Hoàn nhập dự phòng		
	Cộng	2.647.654.687	3.757.880.931
24.	Thu nhập khác		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
	Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
	Linh kiện được khuyến mại		
	Xử lý công nợ		
	Thu nhập khác	4.684.239	10.589.856
	Cộng	4.684.239	10.589.856
25.	Chi phí khác		
	Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Tiền phạt thuế, phí lệ phí	122.859.410	
Chi phí khác	33.868.602	255.860.886
Chi phí khấu hao, chi phí không hợp lệ	175.617.594	
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	0	181.957.755
Cộng	332.345.606	437.818.641

26. Lãi trên cổ phiếu *Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2022	Lũy kế quý II năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.239.758.724	12.805.399.506
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.239.758.724	12.805.399.506
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.049.968	27.284.978
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	222	469

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập ngày 26 tháng 07 năm 2022


Trần Thị Hồng Khang

Người lập biểu




Trần Thị Hồng Khang Hà Thị Hải Vân
Kế toán trưởng Chủ tịch HĐQT